

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGUYỄN THỊ THẢO ANH

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU
TẠI TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 09.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – 2024

Công trình được hoàn thành tại Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS.Nguyễn Đào Tùng

2. TS. Nguyễn Thị Nga

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

*Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính*

Vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm

***Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính***

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án

Những năm gần đây, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng trở lên sâu rộng, tuy nhiên đi kèm với sự phát triển đó, lại là sự bùng nổ của đại dịch COVID -19, chính vì vậy nhu cầu tìm kiếm loại sản phẩm có thể bảo vệ sức khỏe của con người, đồng thời phòng ngừa những rủi ro, bất trắc có thể xảy ra ngày càng cao. Đây được coi là cơ hội phát triển về lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, theo đó, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (TCT BVNT) là một trong những đơn vị tiên phong và nắm giữ thị phần số 1 về doanh thu trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Do đó, công tác kế toán cùng với kế toán doanh thu trở thành vấn đề cấp thiết cung cấp các thông tin kế toán tin cậy cho các cá nhân, tổ chức sử dụng thông tin. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế tại TCT BVNT trong quá trình thực hiện công tác kế toán doanh thu, đó là những hạn chế về tổ chức bộ máy kế toán, xác định doanh thu, thu nhập thông tin ban đầu, hệ thống hoá và xử lý, trình bày và cung cấp thông tin về doanh thu. Đồng thời, hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về kế toán doanh thu tại các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài luận án là: ***“Hoàn thiện kế toán doanh thu tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu nghiên cứu về mặt lý luận: Nghiên cứu các vấn đề lý luận liên quan đến kế toán doanh thu tại các DN BHNT bao gồm cơ sở lý luận kế toán doanh thu, đặc điểm hoạt động kinh doanh BHNT ảnh hưởng đến kế toán doanh thu và bài học kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới

- Mục tiêu nghiên cứu về mặt thực tế: mô tả thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu tại DN trên cơ sở phân tích ưu điểm và hạn chế của thực trạng. Đồng thời, chỉ ra những điều kiện thực hiện giải pháp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là kế toán doanh thu tại TCT BVNT trên góc độ KTTC, không đi sâu nghiên cứu vào kế toán doanh thu trên góc độ KTQT.

Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu kế toán doanh thu tại TCT BVNT giới hạn phạm vi 3 nhóm doanh thu tiêu biểu là doanh thu phí bảo hiểm gốc, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- *Phạm vi không gian:* Luận án thực hiện nghiên cứu tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ bao gồm Tổng công ty và 76 công ty thành viên.

- *Phạm vi thời gian:* Luận án sử dụng số liệu trong giai đoạn 5 năm từ năm 2018 đến 2022, tầm nhìn giải pháp đến năm 2030.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Căn cứ từ mục tiêu nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu chính của luận án gồm:

Câu hỏi 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu tại các DN BHNT gồm nội dung gì?

Câu hỏi 2: Thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT hiện nay như thế nào?

Câu hỏi 3: Những giải pháp nào để hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT sau khi đã làm rõ câu trả lời cho những vấn đề đã đặt ra ở Câu hỏi 1 và 2?

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo và xuyên suốt được sử dụng là phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê Nin. Bên cạnh đó, luận án còn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh.

4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Luận án sử dụng hai nguồn dữ liệu chính là dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu của luận án sẽ được thu thập từ những đối tượng cụ thể sau:

- Dữ liệu sơ cấp: thu thập từ việc điều tra khảo sát cán bộ kế toán, tài chính và cán bộ quản lý tại TCT BVNT.

- Dữ liệu thứ cấp: thu thập từ báo cáo tài chính đã kiểm toán của Tổng công ty BVNT, hệ thống chứng từ kế toán gồm sổ kế toán, hoá đơn, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phiếu thu,...đồng thời cùng các số liệu trên các trang thống kê website BVNT, Niên giám thống kê Cục giám sát và quản lý Bảo hiểm – Bộ Tài Chính,

4.3 Phương pháp xử lý dữ liệu

Đối với phiếu khảo sát các cán bộ kế toán và lãnh đạo Tổng công ty BVNT tác giả đã tổng hợp phân tổ thống kê và kết quả điều tra được tổng hợp trên phần mềm Excel của Microsoft Office 2010, đồng thời đối với những dữ liệu thu thập được từ phỏng vấn,

tác giả có tiến hành ghi âm, ghi chép trong file Word. Dựa trên những thông tin thu thập được, tác giả tiến hành phân tích, lập bảng và vẽ lại hình minh hoạ.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Ý nghĩa khoa học: Luận án củng cố, làm rõ và bổ sung những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu trong DN BHNT, một vấn đề lý luận còn chưa nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống. Đồng thời, tổng hợp một số kinh nghiệm quý báu về áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế trên thế giới về hợp đồng bảo hiểm và rút ra bài học cho TCT BVNT.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận án phân tích thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT và đánh giá những ưu điểm cũng như tồn tại hạn chế, đồng thời đưa ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến những tồn tại hạn chế này. Từ đó đề tài đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT.

6. Những đóng góp mới của luận án

Về mặt lý luận: Luận án tập trung làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu trong các doanh nghiệp lĩnh vực bảo hiểm nói chung và bảo hiểm nhân thọ nói riêng. Nội dung cụ thể: xác định doanh thu, thu nhận thông tin ban đầu, hệ thống hoá và xử lý thông tin, trình bày và cung cấp thông tin doanh thu.

Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT, luận án đã nhận diện và trình bày những vấn đề tồn tại trong công tác kế toán doanh thu tại DN này. Xuất phát từ những tồn tại, bất cập này, luận án đã đề xuất nhóm giải pháp hoàn thiện doanh thu và các điều kiện thực hiện giải pháp.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu trong các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
- Chương 3: Hoàn thiện kế toán doanh thu tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NHÂN THỌ

1.1. Tổng quan về bảo hiểm

1.1.1. Nguồn gốc ra đời của ngành bảo hiểm

Bảo hiểm có nguồn gốc từ rất xa xưa trong lịch sử văn minh nhân loại, ý tưởng về bảo hiểm được coi là đã xuất hiện từ khá lâu, khi mà người xưa đã nhận ra lợi ích của việc xây dựng một kho thóc lúa dự trữ chung phòng khi mất mùa, chiến tranh, ... Trên thế giới vào khoảng thế kỷ XV, bảo hiểm hình thành do sự tồn tại các loại rủi ro khi châu Âu mở những cuộc thám hiểm, khai phá tới các miền đất ở châu á, châu Mỹ. Vì vậy, đòi hỏi con người phải có những biện pháp đề phòng, ngăn chặn việc xảy ra rủi ro, đồng thời, khắc phục, hạn chế những hậu quả của rủi ro. Bắt đầu từ bảo hiểm hàng hải, rồi tới những loại bảo hiểm khác như bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm nhân thọ..., bảo hiểm ngày nay đã phát triển nhanh chóng trên nhiều mặt và dần dần đóng vai trò rất quan trọng đối với con người.

Tại Việt Nam, ngành bảo hiểm bắt đầu phát triển từ những năm 1990, sau khi Chính phủ Việt Nam quyết định mở cửa đối ngoại và cho phép các công ty bảo hiểm nước ngoài hoạt động trên đất nước này. Trước đó, ngành bảo hiểm ở Việt Nam chỉ có một số công ty bảo hiểm nhà nước hoạt động như Bảo hiểm Nhân dân, Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế.

1.1.2. Khái niệm bảo hiểm

Dựa trên những quan điểm nghiên cứu, luận án cho rằng: *“Bảo hiểm là một sự cam kết bồi thường của người bảo hiểm với người được bảo hiểm về những thiệt hại, mất mát của đối tượng bảo hiểm do một rủi ro đã thỏa thuận gây ra, với điều kiện người được bảo hiểm đã thuê bảo hiểm cho đối tượng bảo hiểm đó và nộp một khoản tiền gọi là phí bảo hiểm”*.

1.1.3 Phân loại các loại hình bảo hiểm

Bên cạnh các cách phân loại như đối tượng quản lý, phương thức bảo hiểm, ... theo kỹ thuật bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm được chia ra làm 2 loại: bảo hiểm phi nhân thọ và **bảo hiểm nhân thọ**, tương ứng với hai kỹ thuật là “phân bổ” và “tồn tích vốn”.

1.1.4 Các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm

Nguyên tắc chỉ bảo hiểm sự rủi ro, không bảo hiểm sự chắc chắn (Fortuity not certainty): Chỉ bảo hiểm một rủi ro xảy ra bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của con người chứ không bảo hiểm một cái chắc chắn xảy ra.

Nguyên tắc trung thực tuyệt đối (utmost good faith): Tất cả các giao dịch kinh doanh cần được thực hiện trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, trung thực tuyệt đối. Cả người được bảo hiểm và người bảo hiểm đều phải trung thực trong tất cả các vấn đề.

Nguyên tắc quyền lợi có thể được bảo hiểm (insurable interest): Quyền lợi có thể được bảo hiểm là lợi ích hoặc quyền lợi liên quan đến, gắn liền với, hay phụ thuộc vào sự an toàn hay không an toàn của đối tượng bảo hiểm.

Nguyên tắc bồi thường (indemnity): Khi có tổn thất xảy ra, người bảo hiểm phải bồi thường như thế nào đó để đảm bảo cho người được bảo hiểm có vị trí tài chính như trước khi có tổn thất xảy ra, không hơn không kém. Các bên không được lợi dụng bảo hiểm để trục lợi.

Nguyên tắc thế quyền (subrogation): Người bảo hiểm sau khi bồi thường cho người được bảo hiểm, có quyền thay mặt người được bảo hiểm để đòi người thứ ba trách nhiệm bồi thường cho mình.

1.2 Đặc điểm kinh doanh bảo hiểm nhân thọ ảnh hưởng đến kế toán doanh thu bảo hiểm nhân thọ

1.2.1 Khái niệm về bảo hiểm nhân thọ

Theo NCS, Bảo hiểm nhân thọ có thể hiểu như sau “*Bảo hiểm nhân thọ là sự cam kết giữa công ty bảo hiểm với người tham gia bảo hiểm mà trong đó công ty bảo hiểm có trách nhiệm trả số tiền bảo hiểm (số tiền bảo hiểm) cho người tham gia khi người tham gia có những sự kiện đã định trước còn người tham gia bảo hiểm có trách nhiệm nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn*”.

1.2.2. Đặc điểm của bảo hiểm nhân thọ

Thứ nhất, BHNT mang tính tiết kiệm đi kèm tính bảo vệ. Số tiền người mua nộp vào sẽ tích lũy qua thời gian, đồng thời bù đắp phần nào những tổn thất về mặt tài chính khi rủi ro xảy ra

Thứ hai, BHNT đáp ứng được rất nhiều mục đích khác nhau của người tham gia bảo hiểm.

Thứ ba, BHNT mang tính đa dạng. Người mua bảo hiểm có thể tùy mục tiêu của mình lựa chọn sản phẩm BHNT phù hợp.

Thứ tư, BHNT ra đời và phát triển trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định.

1.2.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp BHNT ảnh hưởng đến kế toán doanh thu bảo hiểm nhân thọ

1.2.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp BHNT ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy kế toán tại doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh BHNT mang tính đặc thù là hoạt động kinh doanh trên những rủi ro, gắn liền với chứng từ quan trọng là hợp đồng bảo hiểm. Xuất phát từ việc các doanh nghiệp BHNT chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Tài Chính, để quản lý hoạt động kinh doanh bảo hiểm hầu hết các quốc gia trên thế giới đều giao cho một cơ quan quản lý nhà nước nhất định. Do đó, DN BHNT chủ yếu lựa chọn tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung và mô hình kết hợp hơn là mô hình phân tán.

1.2.3.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp BHNT ảnh hưởng đến xác định doanh thu

Quá trình nhận diện doanh thu cần dựa trên bản chất sản phẩm, đặc điểm kinh doanh cụ thể của ngành bảo hiểm, để nhận diện đúng doanh thu BHNT. Do đó, việc phân loại doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ có thể chia theo các tiêu chí: phương thức tham gia, hoạt động bảo hiểm và hình thức hợp đồng.

1.2.3.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN BHNT ảnh hưởng tới việc thu nhận thông tin ban đầu về doanh thu

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ được tính bằng công thức sau:

Doanh thu phí bảo hiểm = Phí bảo hiểm gốc + Phí nhận tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm

Trong đó, theo tổng hợp nghiên cứu của NCS có 06 yếu tố ảnh hưởng đến phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm:

- Tuổi tác

- Giới tính
- Hồ sơ bệnh án
- Tiền sử bệnh gia đình
- Thói quen hút thuốc
- Quyền hạn thanh toán phí bảo hiểm.

1.2.3.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN BHNT ảnh hưởng tới hệ thống hoá và xử lý thông tin doanh thu

Thứ nhất, hoạt động kinh doanh BHNT là một chu trình kinh doanh đảo ngược. Các DN BHNT thu phí bảo hiểm trước (từ người tham gia bảo hiểm đóng góp) và thực hiện việc bồi thường, trả tiền bảo hiểm sau (khi xảy ra sự kiện bảo hiểm).

Thứ hai, hoạt động kinh doanh BHNT là bán sản phẩm đặc thù. Việc bán sản phẩm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm là việc DNBH ký kết hợp đồng bảo hiểm với những khách hàng của mình, theo đó sản phẩm bảo hiểm ở đây là một cam kết pháp lý, cam kết bồi thường, trả tiền BH cho NDBH khi xảy ra rủi ro, tổn thất được bảo hiểm

Thứ ba, phạm vi hoạt động BHNT rộng, bao gồm nhiều hoạt động. Đặc điểm này chi phối đến toàn bộ công tác kế toán DN BHNT. Việc tổ chức công tác kế toán của các DN BHNT chủ yếu phù hợp với mô hình kế toán tập trung. Doanh thu kinh doanh BHNT phải được hạch toán chi tiết cho từng loại hoạt động, từng khoản mục, từng nghiệp vụ bảo hiểm,...

1.2.3.4 Trình bày và cung cấp thông tin doanh thu phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN BHNT

Để trình bày và cung cấp thông tin doanh thu cho các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp, thông tin sẽ được thể hiện trong chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên BCTC tổng hợp theo mẫu riêng được quy định tại Thông tư 199 hay BCTC tập đoàn hay Tổng công ty, kế toán cần tính toán tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty mẹ, công ty con và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

1.3 Kế toán doanh thu trong các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm

1.3.1 Các khái niệm, điều kiện ghi nhận doanh thu của hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo hiểm

Từ các nghiên cứu, theo NCS: “Doanh thu dịch vụ được hiểu là lợi ích kinh tế trong kỳ mà DN thu được do đã hoàn thành nghĩa vụ cung cấp các dịch vụ tới khách hàng”.

Thời điểm ghi nhận doanh thu đối với hoạt động kinh doanh BHNT là thời điểm DNBH đã nhận trách nhiệm trước các rủi ro đã cam kết trong hợp đồng bảo hiểm, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

1.3.2 Vai trò, bản chất và nhiệm vụ của kế toán doanh thu trong doanh nghiệp BHNT

Vai trò, bản chất và nhiệm vụ kế toán doanh thu trong doanh nghiệp BHNT thể hiện thông qua việc cung cấp thông tin về doanh thu cho các đối tượng quan tâm thông qua các BCTC của DN giúp họ có thông tin để đánh giá thực trạng kinh doanh, trình độ tổ chức kinh doanh, tiềm năng phát triển của DN, để từ đó ra các quyết định phù hợp.

1.3.3 Các nguyên tắc kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu tại các DN BHNT

Một số nguyên tắc kế toán được áp dụng trong kế toán doanh thu tại các doanh nghiệp BHNT bao gồm:

- Nguyên tắc cơ sở dồn tích
- Nguyên tắc hoạt động liên tục
- Nguyên tắc phù hợp
- Nguyên tắc trọng yếu
- Nguyên tắc nhất quán
- Nguyên tắc thận trọng.

1.3.4 Nội dung kế toán doanh thu tại các DN BHNT

1.3.4.1 Xác định doanh thu

Doanh thu tại các DN BHNT bao gồm 3 nội dung chính: doanh thu phí bảo hiểm, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc tại các DN BHNT chính là phí bảo hiểm nhân thọ của người tham gia HDBH tiến hành nộp. Công thức tính phí bảo hiểm nhân thọ được các chuyên gia định phí bảo hiểm tính toán và đưa ra, tuy nhiên mỗi công ty bảo hiểm sử dụng phần mềm khác nhau, căn cứ vào thông tin của khách hàng cung cấp sẽ có cách tính phí bảo hiểm nhân thọ riêng.

Ngoài ra, một số phương thức phân loại doanh thu như: phân loại doanh thu theo nội dung kinh tế (doanh thu kinh doanh bảo hiểm, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập

khác), phân loại doanh thu theo bản chất sản phẩm (theo phân loại sản phẩm BHNT), phân loại doanh thu theo phương thức thu phí (thu phí 1 lần, phí định kỳ 5 năm, phí định kỳ 10 năm), phân loại doanh thu theo khu vực (miền Bắc, miền Trung, miền Nam),...

1.3.4.2 Thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu

Để thu nhận thông tin ban đầu về kế toán nói chung và kế toán doanh thu DN sử dụng chứng từ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC và một số chứng từ bắt buộc, hướng dẫn được quy định tại phụ lục số 03, ban hành kèm TT199/2014/TT-BTC như hoá đơn, hợp đồng bảo hiểm, phiếu thu tiền,...

1.3.4.3 Hệ thống hoá và xử lý thông tin về doanh thu

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 511, TK 515, TK 711, TK 531, TK 532,

Sổ sách kế toán bao gồm: sổ nhật ký, sổ chi tiết tài khoản, ...

Phương pháp kế toán:

Khi phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán, điều kiện ghi nhận doanh thu để ghi nhận doanh thu phát sinh trong kỳ. Căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán mở sổ chi tiết sản phẩm, sổ chi tiết tài khoản kế toán 511, sổ cái tài khoản kế toán 511, ... để theo dõi và quản lý doanh thu bán hàng. Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng trên các TK 531 - "*Hoàn phí, hoa hồng bảo hiểm*" và TK 532 - "*Giảm phí, hoa hồng bảo hiểm*", cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

Khi phát sinh doanh thu hoạt động chính trong kỳ, kế toán căn cứ vào chứng từ hợp lý, hợp lệ để ghi nhận và hạch toán doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản thu nhập khác như thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền vi phạm hợp đồng, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, ... căn cứ vào chứng từ kế toán kế toán ghi tăng thu nhập khác.

1.3.4.4 Trình bày và cung cấp thông tin về doanh thu

Trong "*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*" – mẫu B02/DN: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác và các chỉ tiêu xác định KQKD được trình bày tương ứng ở các chỉ tiêu 1 (mã số 01), chỉ tiêu 6 (mã số 21), chỉ tiêu 11 (mã số 31).

Trong “*Thuyết minh báo cáo tài chính*” – mẫu B09/DN, các chỉ tiêu về doanh thu được trình bày trong mục VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, cung cấp thông tin cho các đối tượng trên trong DN, kế toán có thể lập các báo cáo đặc thù của doanh nghiệp như báo cáo phân tích doanh thu, báo cáo nội bộ,...

1.4 Kinh nghiệm chuyển đổi cách tiếp cận về doanh thu bảo hiểm nhân thọ theo thông lệ quốc tế và bài học cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam

Đối với doanh thu theo hợp đồng hiện nay được quy định tại IFRS 15, tuy nhiên chuẩn mực này lại ngoại trừ các hợp đồng bảo hiểm. Đồng thời, chuẩn mực IFRS 04 ra đời từ lâu, có phần lạc hậu với xu thế. Do đó, IFRS 17 - hợp đồng bảo hiểm được ra đời vào tháng 05/2017 dự kiến sẽ được áp dụng rộng rãi và khắc phục mọi nhược điểm của IFRS 04. Tác giả tiến hành nghiên cứu việc áp dụng IFRS 17 tại Anh, Trung Quốc và Malaysia để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Kế toán doanh thu tại các DN BHNT là cơ sở cung cấp thông tin kế toán tin cậy cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán. Nội dung cơ bản của kế toán doanh thu BHNT tập trung vào (i) Xác định doanh thu; (ii) Thu nhận thông tin ban đầu về doanh thu; (iii) Hệ thống và xử lý thông tin doanh thu và (iv) Trình bày và cung cấp thông tin doanh thu. Để nghiên cứu và tìm hướng áp dụng IFRS 17 trong tương lai cho các DN BHNT tại Việt Nam, NCS tiến hành nghiên cứu tại một số quốc gia trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho VN.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU TẠI TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

2.1. Khái quát về Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển TCT BVNT

TCT BVNT được thành lập ngày 22/06/1996, trực thuộc Tập đoàn Tài chính - bảo hiểm Bảo Việt. TCT BVNT là doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên kinh doanh BHNT

trên thị trường BHNT Việt Nam. Trải qua quá trình hoạt động kinh doanh, cho đến nay, TCT BVNT vẫn giữ vững vị trí số 1 về thị phần và doanh thu phí bảo hiểm gốc trên thị trường BHNT Việt Nam.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

TCT BVNT áp dụng mô hình tổ chức trực tuyến chức năng với các bộ phận gọn nhẹ, chuyên nghiệp, đảm bảo tập trung quản lý bằng phương thức hiện đại nhất thông qua sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Theo khảo sát số lượng sản phẩm mà BVNT cung cấp rất phong phú với gần 60 sản phẩm các loại. Giai đoạn 5 năm từ 2018 đến 2022, TCT đã có sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2018 đạt 29.359.650 triệu đồng đến năm 2022 đã lên tới 41.676.655 triệu đồng, tương ứng tăng 12.317.005 triệu đồng. Năm 2020 chứng kiến mức tăng trưởng lớn nhất với mức tăng trưởng 12,5%, tương ứng 4.019.433 triệu đồng. Các năm trước và sau đó, tổng doanh thu TCT BVNT tăng trưởng ở mức tương đối ổn định với mức tăng trưởng lần lượt là 9,5%, 4,6% và 10,1%.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại TCT BVNT

TCT BVNT hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ bằng máy vi tính, quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán có sự hỗ trợ của phần mềm Sun Systems (Sun Account), ứng dụng app điện tử Lifesystems.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh ảnh hưởng đến kế toán doanh thu tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

TCT BVNT có 76 công ty thành viên trực thuộc, hạch toán phụ thuộc ở các tỉnh và thành phố trên cả nước. Do đó, các công tác hạch toán được thực hiện duy nhất tại TCT. Đối với các công ty thành viên, không có nhân viên kế toán, chỉ có nhân viên bảo hiểm thực hiện kiêm nhiệm các công việc kế toán ban đầu.

Đặc điểm sản xuất kinh doanh tại TCT BVNT ảnh hưởng đến công tác kế toán doanh thu

- Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ được thể hiện là hoạt động kinh doanh có điều kiện: thể hiện ở quy định về quy mô doanh nghiệp, cấp phép hành nghề đại lý, quy định đặc thù của lĩnh vực BHNT,...

- Ngành BHNT chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, cụ thể: Bộ Tài chính, Ủy ban quản lý và Giám sát bảo hiểm (trực thuộc bộ y tế), Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, Bộ Công thương, Bộ kế hoạch và đầu tư, Cục quản lý giá Bộ tài chính, Ủy ban nhân dân các cấp,...

- Hoạt động tài chính luôn gắn với hoạt động bảo hiểm: xuất phát từ sự chênh lệch giữa thời điểm thu phí và thời điểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm nên TCT BVNT luôn có nguồn vốn nhàn rỗi, sử dụng cho đầu tư nhằm mục đích kiếm lời.

- Phạm vi hoạt động TCT BVNT rộng, bao gồm nhiều hoạt động: tại TCT BVNT không có hình thức kinh doanh nhận tái và nhượng tái bảo hiểm, tập trung kinh doanh bảo hiểm gốc: “là việc doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp các dịch vụ bảo hiểm trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm”. Do vậy, doanh thu BH&CCDV chỉ bao gồm doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- Sản phẩm BHNT tại TCT BVNT là dịch vụ tài chính đặc biệt, là hoạt động kinh doanh trên những rủi ro. Sản phẩm của bảo hiểm là sản phẩm vô hình, nó là sự đảm bảo về mặt tài chính trước rủi ro cho người được bảo hiểm kèm theo là dịch vụ có liên quan, không phải là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT

2.2.1 Thực trạng xác định kế toán doanh thu

2.1.1.1 Nhận diện doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm hay doanh thu phí bảo hiểm gốc số tiền phải thu phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ đi các khoản chi để làm giảm thu phát sinh trong kỳ. Trong đó, các khoản phí làm giảm thu phát sinh trong kỳ gồm có: chủ yếu là hoàn phí bảo hiểm; giảm phí Bảo hiểm; ngoài ra có tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm các khoản sau: doanh thu từ hoạt động mua bán chứng khoán; thu lãi trên số tiền ký quỹ; thu cho thuê tài sản; hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán; thu khác theo quy định của pháp luật.

Thu nhập khác là các khoản bao gồm: thu từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định; các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được; thu tiền phạt vi phạm hợp đồng; thu khác theo quy định của pháp luật.

2.1.1.2 Xác định doanh thu

Tại Tổng công ty BVNT dựa theo thông tin mà khách hàng cung cấp và khả năng tham gia gói bảo hiểm, tư vấn viên, đại lý bảo hiểm sẽ nhập thông tin vào phần mềm và cho ra kết quả số phí phải nộp. Cụ thể:

Thu phí 1 lần: Khách hàng có thể lựa chọn đóng phí một lần duy nhất cho cả hợp đồng với phí bảo hiểm đã được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm.

Thu phí ngắn 5 năm: Khách hàng có thể lựa chọn đóng toàn bộ phí bảo hiểm trong vòng 5 năm đầu tiên kể từ khi ký kết hợp đồng với công ty bảo hiểm.

Thu phí bằng thời gian hợp đồng bảo hiểm: Đối với các hợp đồng có thời hạn 10 năm, 15 năm, 20 năm, khách hàng có thể lựa chọn hình thức đóng phí định kỳ theo từng tháng, năm, quý trong suốt quá trình hợp đồng bảo hiểm diễn ra.

2.1.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi TCT BVNT có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu được ghi nhận phải phù hợp với Thông tư 50. Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là “Doanh thu chưa thực hiện” trên bảng cân đối kế toán.

2.1.1.4 Phân loại doanh thu

TCT BVNT tiến hành phân loại doanh thu theo nội dung kinh tế. Theo cách phân loại này, doanh thu của hoạt động kinh doanh của DN bao gồm: doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác. Ngoài ra, TCT BVNT cũng phân loại doanh thu theo bản chất dịch vụ bảo hiểm (loại hình bảo hiểm hoạt động), khu vực địa lý, khách hàng mua BHNT,...

2.2.2 Thực trạng thu nhận thông tin ban đầu về kế toán doanh thu tại TCT BVNT

Chứng từ phản ánh doanh thu kinh doanh bảo hiểm gốc: Hoá đơn, phiếu thu tiền bảo hiểm, giấy báo Có, hợp đồng bảo hiểm và các chứng từ khác có liên quan, cụ thể theo cả hình thức thu phí trực tiếp và thu phí trực tuyến

Chứng từ phản ánh doanh thu tài chính: Giấy báo Có ngân hàng, Thông báo chia cổ tức, lợi nhuận, Hợp đồng bán ngoại tệ ...

Chứng từ phản ánh thu nhập khác: Hóa đơn (trường hợp thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thanh lý phế liệu); Biên bản góp vốn; hợp đồng cho thuê văn phòng, ...

2.2.3 Thực trạng hệ thống hoá và xử lý thông tin về doanh thu tại TCT BVNT

2.2.3.1 Vận dụng tài khoản kế toán

TCT BVNT thực hiện mở 1 TK chi tiết cấp hai cho TK 511 và 6 TK cấp 3; TK 515 - Doanh thu tài chính thực hiện mở TK chi tiết cấp 2 căn cứ vào nguồn gốc doanh thu tài chính; TK 711 - Thu nhập khác: không mở TK chi tiết cấp 2.

Việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các TK kế toán được TCT BVNT thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành

2.2.3.2 Vận dụng sổ kế toán

Để ghi chép, hệ thống và lưu giữ các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu bán hàng, TCT BVNT hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ bằng máy vi tính. Tuy nhiên, DN không có sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và không theo dõi theo theo sổ cái mà các giao dịch được tổng hợp theo các sổ chi tiết trước khi lên Bảng cân đối tài khoản.

Đối với ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm gốc, DN mở sổ chi tiết TK “Doanh thu bảo hiểm gốc”. Sổ chi tiết này được mở chi tiết theo TK cấp 2 tương ứng với TK cấp 1. Ngoài ra, đối với các khoản hoàn phí bảo hiểm, kế toán lập sổ chi tiết TK 531 – “Hoàn phí, hoa hồng bảo hiểm”. Theo đó, các giao dịch liên quan đến doanh thu tài chính phát sinh không thường xuyên DN chỉ mở sổ cái TK 515 và với những DN có mở TK chi tiết cấp 2 của TK này thì có mở sổ chi tiết của TK này tương ứng với các TK cấp 2. Đối với thu nhập khác, do các nghiệp vụ phát sinh ít, không thường xuyên nên DN chỉ mở sổ cái TK 711 - Thu nhập khác.

2.2.3.3 Về trình tự hạch toán doanh thu

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán tại các công ty thành viên chuyển về, kế toán doanh thu tại TCT nhập liệu vào phần hành kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ *Trình tự ghi nhận phí bảo hiểm gốc*

- Thu phí lần đầu của khách hàng: Sau khi nhận được đơn yêu cầu tham gia bảo hiểm nhân thọ của khách hàng, bộ phận dịch vụ sẽ yêu cầu khách hàng nộp một khoản tạm thu, kể cả trường hợp KH nộp trước cho nhiều kỳ và hồ sơ sẽ được lập để BVNT tiến hành thẩm tra liệu khách hàng trong 20 ngày để xét xem có đủ điều kiện để tham gia hay không.

- Thu phí định kỳ của khách hàng: Đối với hợp đồng bảo hiểm đã nộp phí bảo hiểm từ lần thứ 2 trở đi, trước khi thu phí định kỳ, BVNT sẽ gửi email và tin nhắn EMS cho khách hàng trước 10 ngày, đến kỳ thu phí, khách hàng nộp tiền thông qua đại lý, ngân hàng hoặc ứng dụng, website của BVNT, kế toán sẽ ghi nhận doanh thu chính là số tiền thực thu được.

- Hoàn phí cho khách hàng: Nếu trong hạn thẩm định hồ sơ tức là hợp đồng đã phát hành, KH muốn huỷ yêu cầu tham gia, kế toán sẽ tiến hành hoàn phí đã tạm thu. Tuy nhiên, trong trường hợp đã phát hành hợp đồng, KH có 14 ngày để kiểm tra và huỷ hợp đồng nếu muốn.

- Thay đổi phí bảo hiểm định kỳ: Với trường hợp thay đổi phí bảo hiểm định kỳ, kế toán sẽ tiến hành thu phí định kỳ mới theo quy định văn bản ban hành của BVNT kể từ khi có hiệu lực, đối với KH đóng phí sau ngày thay đổi phí định kỳ (chỉ áp dụng với đóng theo định kỳ), kế toán sẽ áp dụng ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm định kỳ với số tiền là phí định kỳ mới.

➤ *Trình tự hạch toán kế toán các khoản doanh thu HĐTC và thu nhập khác tại TCT BVNT*

Ngoài các khoản từ hoạt động kinh doanh phí bảo hiểm gốc, tại TCT BVNT, tiến hành ghi nhận các khoản doanh thu liên quan đến đầu tư tài chính.

Tại tổng công ty BVNT thu nhập khác chiếm thị phần rất nhỏ, thường trung bình dưới 50 triệu mỗi năm, thông thường là các khoản thanh lý tài sản, cho thuê văn phòng, thu khai thác bảo hiểm chéo và thu nhập khác,... tuy nhiên phát sinh không thường xuyên.

➤ *Kết chuyển doanh thu cuối kỳ*

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp khoá sổ kế toán, kế chuyển các số liệu về doanh thu, chi phí lên tài khoản xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, lập sổ chi tiết tài khoản 911 để phản ánh các bút toán kết chuyển, tổng hợp kết quả kinh doanh của một kỳ.

Kế toán sẽ kết chuyển toàn bộ chi phí, doanh thu kinh doanh phí bảo hiểm, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh để xác định lỗ, lãi trong kỳ.

2.2.4 Thực trạng trình bày và cung cấp thông tin doanh thu

Các thông tin về doanh thu được thể hiện trên Báo cáo kết quả kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQHĐKD- Mẫu số B 02-DN) và các thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong BCKQHĐKD trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (BTMBCTC). Các chỉ tiêu phản ánh doanh thu được chia thành doanh thu phí bảo hiểm (mã số 01), doanh thu hoạt động tài chính (mã số 22), lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 30), thu nhập khác (mã số 31), tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (mã số 50), lợi nhuận sau thuế TNDN (mã số 60).

2.3. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu tại TCT BVNT

2.3.1. Những kết quả đạt được

Giai đoạn 2018-2022, Tổng công ty BVNT đã gặt hái được một số thành tựu nổi bật như sau:

- Một là, bộ máy kế toán tại TCT BVNT được tổ chức khá hợp lý, mô hình kế toán tập trung phân tách trách nhiệm rõ ràng giữa các phòng ban, bộ phận phù hợp với đặc điểm kinh doanh sản phẩm đặc thù BHNT.

- Hai là, kế toán doanh thu tại TCT BVNT về cơ bản đều chấp hành, tuân thủ đầy đủ chế độ kế toán, các quy định pháp lý của các Bộ/ban ngành có liên quan.

- Ba là, công tác kế toán tại TCT BVNT được hỗ trợ của hệ thống phần mềm kế toán Sunsystem (Sun Account), tuy nhiên khi áp dụng tại TCT BVNT, hệ thống phần mềm này đã được thiết kế lại cho phù hợp với phù hợp với thị trường Việt Nam.

- Bốn là, việc tổ chức hệ thống sổ kế toán và luân chuyển chứng từ trong quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ là tương đối hợp lý, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành; khả năng, trình độ đội ngũ nhân viên kế toán và quy mô, đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh BHNT.

- Năm là, kế toán doanh thu tại TCT BVNT nhìn chung đã phản ánh rõ ràng theo từng nghiệp vụ kinh tế liên quan. Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của TCT BVNT được lập, trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán, đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán.

2.3.2. Những hạn chế

Thứ nhất, tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung với số lượng kế toán viên chỉ 20 người sẽ tạo ra khối lượng công việc lớn và áp lực cao cho cán bộ kế toán tại Tổng công ty.

Thứ hai, việc nhận diện, xác định nội dung, phân loại các khoản doanh thu tại TCT BVNT chưa đảm bảo tính hợp lý và thống nhất.

Thứ ba, thu nhận thông tin ban đầu đa phần vẫn là chứng từ giấy, đồng thời không có sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tổng hợp và sổ cái.

Thứ tư, tổng công ty BVNT chưa rõ ràng trong công tác ghi nhận các khoản giảm phí, hoàn phí.

Thứ năm, thông tin về doanh thu phản ánh trên Báo cáo tài chính mới là những thông tin cơ bản theo yêu cầu bắt buộc, chưa có số liệu so sánh doanh thu BHNT theo lĩnh vực kinh doanh, khu vực địa lý.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, hệ thống các văn bản pháp lý hướng dẫn về ghi nhận doanh thu BHNT ở Việt Nam vẫn chưa được xây dựng một cách toàn diện còn hạn chế và chưa đầy đủ, đồng thời trong bối cảnh áp dụng CMKT quốc tế ngày càng trở nên phổ biến và cấp thiết.

Thứ hai, lịch sử phát triển của ngành BHNT tại Việt Nam còn non trẻ, vì vậy vấp phải sự cạnh tranh về cung cấp dịch vụ BHNT từ các doanh nghiệp nước ngoài trên thị trường tại Việt Nam ngày càng diễn ra mạnh mẽ hơn

Thứ ba, do chịu sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, trong khi nền tảng CNTT quốc gia của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, BHNT là sản phẩm đặc thù với tính chất gắn liền với rủi ro của con người liên quan đến sức khỏe, thân thể, tính mạng; do đó ghi nhận sẽ có sự khác biệt nhiều với các ngành nghề phổ biến khác.

Thứ hai, áp dụng CMKT quốc tế về ghi nhận BHNT sẽ dẫn đến những thay đổi đáng kể tại Tổng công ty BVNT, trong khi đây là xu hướng tất yếu diễn ra.

Thứ ba, năng lực của cán bộ kế toán tại Tổng công ty BVNT chưa thực sự đáp ứng nhu cầu về công việc, cũng như áp dụng IFRS 17 trong tương lai.

Thứ tư, Hệ thống thông tin kế toán tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ chủ yếu là kế toán thuế, làm kế toán để phục vụ mục đích đáp ứng yêu cầu của cơ quan thuế hơn là phục vụ công tác KTTC, dẫn đến tính minh bạch về thông tin đôi khi chưa đáp ứng được yêu cầu.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Để phân tích thực trạng kế toán doanh thu Tại TCT BVNT, NCS đã nghiên cứu, tìm hiểu theo nội dung về tổ chức bộ máy kế toán, xác định, thu nhận thông tin ban đầu, hệ thống hoá và xử lý, trình bày và cung cấp thông tin về doanh thu giai đoạn 2018-2022. Từ đó, các dữ liệu liên quan đến thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT giai đoạn 2018-2022 được tính toán, tổng hợp và phân tích. Theo đó, những đánh giá về các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế cũng sẽ là căn cứ để NCS đưa ra những kiến nghị và giải pháp.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU

TẠI TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

3.1 Định hướng phát triển của TCT BVNT trong bối cảnh hiện nay

3.1.1. Xu hướng ngành bảo hiểm nhân thọ toàn cầu và kế toán doanh thu trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0

➤ Bối cảnh vĩ mô của ngành BHNT toàn cầu

Trái qua đại dịch Covid -19, nhận thức của người dân về sự cần thiết của sản phẩm BHNT đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành BHNT ngày càng có tiềm năng phát triển.

Theo đó, các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư (investment-linked products) cũng ngày càng phát triển. Thêm vào đó, nếu như trước kia kênh phân phối qua đại lý chiếm vai trò chủ đạo thì nay, với sự phát triển của các kênh phân phối thay thế như kênh ngân hàng - bảo hiểm (bancassurance), kênh phân phối truyền thống này đã mất đi vị trí độc tôn ở hầu hết các thị trường bảo hiểm ở khu vực Châu Á – TBD hay Bắc Mỹ.

➤ *Xu hướng ngành kế toán trong bối cảnh CMCN 4.0*

- Xu hướng tự động hoá các quy trình kế toán
- Thay đổi phương thức lưu trữ kế toán
- Sự gia tăng ngày càng nhanh của các giải pháp phần mềm kế toán
- Hải hòa nguyên tắc, thông lệ chuẩn mực kế toán quốc tế

3.1.2 Triển vọng phát triển thị trường BHNT tại Việt Nam

Đại dịch Covid-19 cũng để lại bài học kinh nghiệm lớn cho các doanh nghiệp bảo hiểm. Các DN phải đánh giá và cân nhắc các loại rủi ro để tránh thiệt hại khi phải đối mặt trong tương lai. Triển vọng phát triển tại thị trường Việt Nam được đánh giá qua:

Về mức độ thâm nhập thị trường: Thị trường BHNT VN tương đối tiềm năng với tỷ lệ thâm nhập và phí bảo hiểm bình quân ở mức thấp, số người tham gia bảo hiểm nhân thọ chỉ khoảng 10 triệu người tương đương với khoảng 10% dân số. Tỷ lệ này được Bộ Tài chính dự kiến sẽ nâng lên 15% vào năm 2025.

Về dân số Việt Nam: Dân số Việt nam đang trong thời kỳ cơ cấu vàng với quy mô ngày càng tăng, tính đến năm 2022 dân số Việt Nam đạt 99,5 triệu người với dân số thành thị 37,09 triệu người, chiếm 37,3%; dân số nông thôn 62,37 triệu người, chiếm 62,7%.

Về khung pháp lý: Tháng 8/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thông báo ngành Bảo hiểm không bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cùng với đó là những thay đổi tích cực trong Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ 01/01/2023 được ban hành trong năm 2022 về quản lý tài chính bảo hiểm, các quy định về hợp đồng bảo hiểm và cơ sở dữ liệu toàn thị trường.

3.1.3 Định hướng phát triển của TCT BVNT

Ngoài việc thực hiện theo định hướng phát triển ngành BHNT của Chính phủ, TCT BVNT đã xây dựng định hướng phát triển cụ thể theo ba nội dung sau:

- Phát triển phù hợp với xu thế toàn cầu hoá và CMCN 4.0
- Triển khai kế hoạch hành động quốc gia về phát triển bền vững tại Việt Nam
- Thay đổi nhận thức về phương thức kinh doanh, chuyển từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về chất lượng dịch vụ.

3.2 Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT

3.2.1 Yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT

- Xây dựng trên cơ sở ứng dụng CNTT
- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu hiệu quả và tính kinh tế
- Đảm bảo cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu trình bày thông tin trên BCTC.

- Phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế, mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh BHNT của Nhà nước trong giai đoạn hiện tại và xu hướng phát triển trong tương lai

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT

Thứ nhất, việc hoàn thiện kế toán doanh thu phải đảm bảo tuân thủ theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Nhà nước hài hoà với các nguyên tắc, chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế

Thứ hai, việc hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Thứ ba, hoàn thiện kế toán doanh thu phải đảm bảo nguyên tắc kế thừa, chọn lọc kinh nghiệm tại các quốc gia phát triển trên thế giới

3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán tại TCT BVNT

Để khắc phục những hạn chế của mô hình kế toán tập trung tại đơn vị, Tổng công ty có thể áp dụng mô hình kế toán phân tán kết hợp tập trung. Đồng thời, bên cạnh việc tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn cho các kế toán viên, TCT BVNT cần đánh giá mức độ phân cấp và phân công rõ ràng phần hành kế toán cụ thể cán bộ được giao phần hành kế toán; kiểm tra phần hành kế toán viên được phân công, tránh chồng chéo công việc.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện công tác xác định doanh thu

TCT BVNT cần hoàn thiện các chính sách giảm phí, hoàn phí BHNT cho các khách hàng để góp phần tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Đối với

kế toán, việc ghi nhận các khoản giảm trừ phí doanh thu phí bảo hiểm phải thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành; công tác xác định khoản giảm phí bảo hiểm gốc cần phân biệt các khoản giảm phí bảo hiểm ngoài hóa đơn. Bên cạnh đó, kế toán cần tích hợp trên phần mềm kế toán dữ liệu về phân loại doanh thu.

3.2.3 Giải pháp hoàn thiện công tác thu nhận thông tin ban đầu

3.2.3.1 Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán doanh thu BHNT

TCT BVNT cần thiết phải nâng cao và đồng bộ hơn nữa việc áp dụng thành tựu của công nghệ 4.0 vào công tác kế toán như công nghệ AI trong công thanh toán chi phí hay tối ưu hóa quá trình khai báo thông tin ban đầu của khách hàng, hay kho lưu trữ Cloud để giúp việc lưu trữ chứng từ và luân chuyển một cách kịp thời, nhanh chóng,... Để làm được điều đó sử dụng chứng từ chứng từ điện tử là bước đầu tiên để TCT BVNT thực hiện.

3.2.3.2 Hoàn thiện việc sử dụng hệ thống tài khoản tại TCT BVNT

Để tránh tình trạng các đại lý, tư vấn viên bảo hiểm tự động chuyển từ hình thức mua trực tiếp sang trung gian nhằm thu lợi nhuận hoa hồng NCS đề xuất TCT BVNT nên đổi tên “TK 511 – doanh thu phí bảo hiểm” thành “TK 511 – doanh thu phí bảo hiểm gốc”, mở chi tiết 2 TK cấp 2 chi tiết cho hình thức khai thác trực tiếp và hình thức khai thác qua trung gian. Ngoài ra, để ghi nhận doanh thu đúng thời điểm, đúng kỳ NCS đề xuất các khoản giảm phí bảo hiểm gốc ngoài hóa đơn cần mở thêm TK 532 - giảm phí.

3.2.3.3 Hoàn thiện việc sử dụng hệ thống sổ tại Tổng công ty BVNT

TCT BVNT nên mở thêm 2 loại sổ “sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” và “sổ cái tài khoản” để ghi tách việc ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.

3.2.4 Giải pháp hoàn hệ thống hoá và xử lý doanh thu

3.2.4.1 Ghi nhận doanh thu BHNT khi có chương trình khách hàng thân thiết BaoViet Loyalty

Trong chương trình khách hàng thân thiết, TCT BVNT phát sinh thêm một nghĩa vụ tích điểm thưởng sau mỗi lần nộp phí để đổi voucher trừ tiền phí nộp kỳ sau hoặc đổi quà cho khách hàng. Tổng công ty BVNT cần theo dõi để ghi nhận hai nghĩa vụ: cung cấp dịch vụ BHNT và đổi điểm để tặng quà cho khách.

3.2.4.2 Ghi nhận doanh thu giảm phí bảo hiểm gốc

Khoản giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm phát sinh cùng kỳ nộp phí bảo hiểm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Trường hợp phí BH thu từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh giảm phí bảo hiểm gốc, hoàn phí bảo hiểm thì DN được ghi giảm doanh thu.

3.2.5 Giải pháp hoàn thiện trình bày và cung cấp thông tin kế toán doanh thu

Ngoài các thông tin bắt buộc theo quy định về kế toán doanh thu phải trình bày trên BCTC, TCT BVNT cần thiết trình bày các thông tin bổ sung về doanh thu phí BHNT theo quy định của CMKT quốc tế cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước.

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu tại TCT BVNT

3.3.1 Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước

Cần tiếp tục xây dựng và bổ sung hoàn thiện các văn bản về Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách và chế độ kế toán một cách đầy đủ giúp tạo khung pháp lý rõ ràng cho các doanh nghiệp BHNT hoạt động.

Tạo điều kiện để tăng cường giao lưu giữa các doanh nghiệp cùng ngành trong nước cũng như nước ngoài để học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm quản lý, thực hiện công tác tổ chức bộ máy kế toán.

3.3.2. Về phía Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Tích cực nâng cao vai trò của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (IAV). Đây không chỉ là nơi chia sẻ, trao đổi thông tin mà còn là chỗ dựa cho các DN, đặc biệt là Tổng công ty BVNT – doanh nghiệp thuần túy của Nhà nước Việt Nam.

3.3.3. Về phía các cơ sở đào tạo và tổ chức hiệp hội nghề nghiệp

Đối với công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo cần xác định đào tạo chuyên môn kế toán trên cả hai phương diện lý thuyết và thực hành nghề kế toán theo chuẩn quốc tế. Đồng thời, cần chú ý tới việc đào tạo sử dụng các ứng dụng CNTT vào công tác kế toán tại các DN BHNT như ứng dụng AI, Cloud, Database,

Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức của bản thân các nhà quản trị cũng như các kế toán viên về vai trò và tầm quan trọng của việc áp dụng IFRS 17 trong ghi nhận kế toán.

Ngoài ra, tích cực tổ chức chương trình đào tạo chuyên môn về kế toán tại các DN BHNT theo chuẩn quốc tế cho phù hợp với đặc điểm của các DN BHNT Việt Nam.

3.3.4. Về phía Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ

Thứ nhất, chuẩn bị sẵn sàng áp dụng CMKT quốc tế về BHNT với doanh nghiệp

Thứ hai, Tổ chức lại bộ máy quản lý và quy trình hoạt động để khắc phục hoàn toàn những hạn chế

Thứ ba, Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng những yêu cầu của bối cảnh phát triển mới

Thứ tư, Nâng cao cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của CMKT quốc tế

Thứ năm, Tăng cường quan hệ hợp tác với bên ngoài

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đưa ra một số các giải pháp nhằm góp phần giúp TCT BVNT có thể hoàn thiện hệ công tác kế toán doanh thu. Các giải pháp này được đề xuất trên cơ sở khung lý luận, thực trạng số liệu cũng như tham khảo các tài liệu của các doanh nghiệp BHNT khác trên thị trường Việt Nam và thế giới. Các giải pháp được trình bày nhằm cung cấp căn cứ khoa học và thực tiễn cho TCT BVNT có thể nghiên cứu, xem xét phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

BHNT hiện nay vẫn là một lĩnh vực khá non trẻ ở Việt Nam. Luận án góp phần nhìn nhận một cách hệ thống về kế toán doanh thu trong các DN BHNT đang hiện hữu. Trong phạm vi, đối tượng nghiên cứu, luận án đã đạt được những thành tựu sau:

Một là, luận án đã tổng hợp và hệ thống lại những lý luận về bảo hiểm và bảo hiểm nhân thọ, cũng như xác định, thu nhận thông tin ban đầu, hệ thống hoá và xử lý thông tin, trình bày và cung cấp thông tin về doanh thu. Đồng thời, dựa trên những áp dụng về CMKT quốc tế về HDBH để làm căn cứ đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Hai là, trên cơ sở lý luận, NCS đã nghiên cứu, thiết kế phiếu khảo sát và điều tra nhằm phân tích, đánh giá và làm rõ thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT.

Ba là, dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng kế toán doanh thu tại TCT BVNT, luận án đề xuất 05 nhóm giải pháp cho TCT và các kiến nghị với cơ quan Nhà nước, Hiệp

hội bảo hiểm Việt Nam, Các tổ chức đào tạo nghề nghiệp và bản thân TCT BVNT để góp phần nâng cao hệ thống kế toán cho quá trình phát triển tại TCT BVNT nói riêng và Việt Nam nói chung.

NCS luôn nghiêm túc và nỗ lực trong quá trình học tập và nghiên cứu, tuy nhiên luận án vẫn không thể tránh khỏi các thiếu sót. NCS rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ từ các nhà khoa học, kế toán viên tại TCT BVNT để hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng luận án, đưa những giải pháp mà luận án đề xuất áp dụng hiệu quả trong thực tế.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và những người quan tâm đến đề tài nghiên cứu của luận án!

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA NCS

I. Các công trình công bố trong nước

1. Nguyễn Thị Thảo Anh (2023), *Kế toán doanh thu bảo hiểm Nhân thọ dưới góc độ kế toán tài chính*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Kỳ 2 – tháng 4 (số 238)/2023 (186), tr.64 – 69.
2. Nguyễn Thị Thảo Anh (2023), *Kinh nghiệm áp dụng CMKT quốc tế về hợp đồng bảo hiểm của một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Bảo hiểm nhân thọ Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Kỳ 1 – tháng 10 (số 249)/2023, tr.93 – 96

II. Các công trình công bố quốc tế

1. Nguyễn Thị Thảo Anh (2023), *International financial reporting standards 17 – insurance contract and issues with Vietnam insurance enterprises*, International Conference on Social Economic and Environmental Issues in Development – (ICSEED 17th - 26/06/2023), page 652-660.
2. Nguyễn Thị Thảo Anh (2023), *Factors that affect life insurance premiums from the standpoint of Vietnam life insurers*, Fourth International Conference on Research, Management and Technovation (ICRMAT 2023 – 25/8/2023), page
3. Nguyễn Thị Thảo Anh (2023), *Insurance market trends and some recommendations for Vietnam insurance businesses*, Sixth Sustainable economic development and bussiness management, In the context of globalisation (SEDBM 6 – 22/9/2023), page 497-506